

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRĂK
TỈNH ĐẮK LĂK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 8 - 2018

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và
chia tài sản khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hợi
2. Ông Nguyễn Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Như T, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: 96 Lê Trung K, Phường 1, Tp. Tuy H, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ hiện nay: Buôn E, xã Krông J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: Thôn Phong T, xã An Đ, huyện Tuy A, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ hiện nay: Buôn E, xã Krông J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

3. *Người làm chứng:* Ông Y Tiak N. Địa chỉ: Buôn E, xã Krông J, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2018, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Như T trình bày:

Chị Trịnh Như T và anh Trần Minh T tự nguyện kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vì điều kiện gia đình vợ chồng sống xa nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Thời gian gần đây anh T đã đánh đập chị T gây thương tích dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hoà giải được. Chị T và anh T đã không chung sống cùng nhau từ tháng 6/2018 đến nay. Nay chị T không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Trần Minh T.

Về con chung: Chị T và anh T có một con chung Trần Huyền M, sinh ngày 26/4/2016. Sau ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Thành phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị T có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng chị đã có đơn rút yêu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 10/7/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Trần Minh T trình bày:

Việc kết hôn và đăng ký kết hôn giữa anh T và chị T như chị T đã trình bày. Còn về mâu thuẫn vợ chồng là do tranh chấp việc trực tiếp nuôi con chung Trần Huyền M giữa vợ, gia đình vợ và anh T. Vợ và gia đình vợ muốn mang cháu M về bên bố mẹ vợ để nuôi và anh T không đồng ý nên đã xảy ra xô xát, do vô ý nên anh T đã làm chị T bị thương. Sau đó anh T và chị T đã không chung sống cùng nhau từ đầu tháng 6/2018 đến nay. Hiện nay anh T vẫn còn tình cảm, vẫn còn yêu thương chị T nhưng chị T nhất định ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung là Trần Huyền M, sinh ngày 26/4/2016. Sau ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Huyền M đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Các đương sự đều chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Như T. Đề nghị HĐXX giải quyết cho chị T được ly hôn anh Trần Minh T. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Huyền M, sinh ngày 26/4/2016, cho đến khi cháu M thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Như T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trần Minh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, đây là yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Bị đơn hiện đang cư trú tại huyện M’Đrăk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk, tỉnh Đắk Lắk

Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2018 và tại bản tự khai ngày 12/7/2018 chị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung của vợ chồng là 22.550.000 đồng cho chị. Ngày 17/7/2018, chị T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng. Việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị T là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX cần chấp nhận.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên ngày 13 tháng 10 năm 2015. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do có sự bất đồng trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6/2018 đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên chị T trở lại đoàn tụ với anh T nhưng không thành. Tại phiên tòa chị T vẫn một mực xin được ly hôn vì không còn tình cảm với anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh T đã thống nhất được với nhau về việc ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị T có 01 con chung Trần Huyền M, sinh ngày 26/4/2016. Sau ly hôn, anh T, chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Anh T làm nghề sửa chữa ô tô với thu nhập và chỗ ở ổn định. Chị T làm nghề kế toán có thu nhập 4.400.000 đồng/tháng, cũng có nơi ở ổn định. Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung, cả hai anh chị đều đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng hiện nay cháu M còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cần

sự trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng của chị T nhiều hơn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 81 của LHNGĐ, HĐXX cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con Trần Huyền M là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218, Điều 219 khoản 2 Điều 244, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Như T.

- Quan hệ về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Như T và anh Trần Minh T.

- Về con chung: Giao cho chị Trịnh Như T trực tiếp nuôi con Trần Huyền M, sinh ngày 26/4/2016 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với yêu cầu được chia giá trị tài sản là 22.500.000 đồng của chị Trịnh Như T.

2. Về án phí: Chị Trịnh Như T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 864.000 đồng mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0006079 ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk. Trả lại cho chị Trịnh Như T số tiền 564.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;

- T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- UBND phường 1, Tp. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh